

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	22,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.1%	6.9%	53.3%

DT thuần Q4/25
8,655
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 438 5.3%
YoY: ▼66.0 -0.8%

LN thuần Q4/25
-1.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▼406 -100%
YoY: ▼84.8 -102%

LN sau thuế Q4/25
16.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼329 -95.3%
YoY: ▼49.2 -75.1%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3.9%
YoY: +/-▲ 2.1%

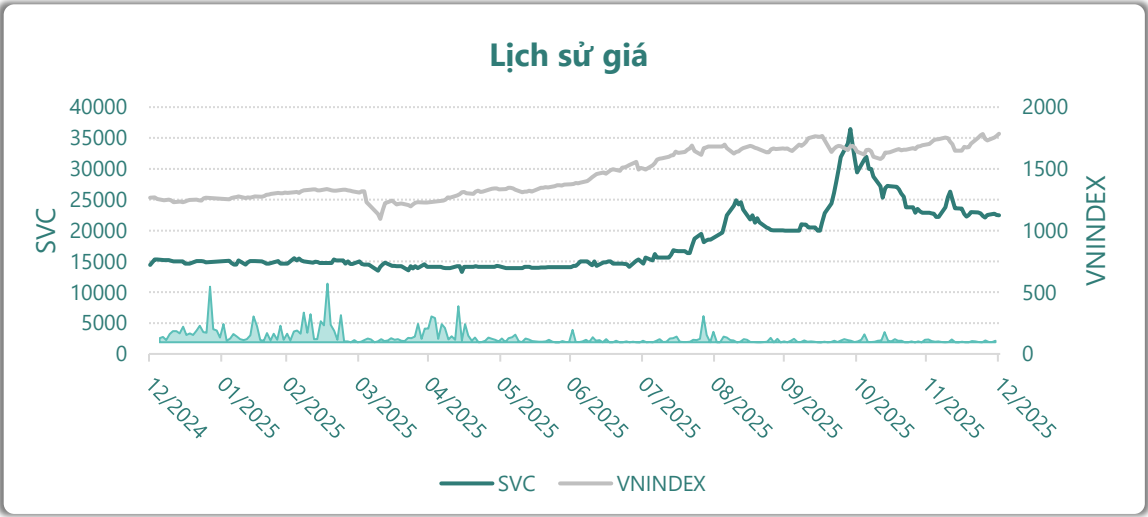
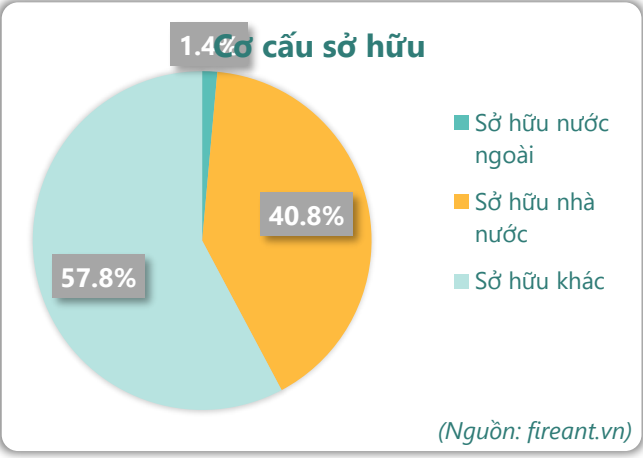
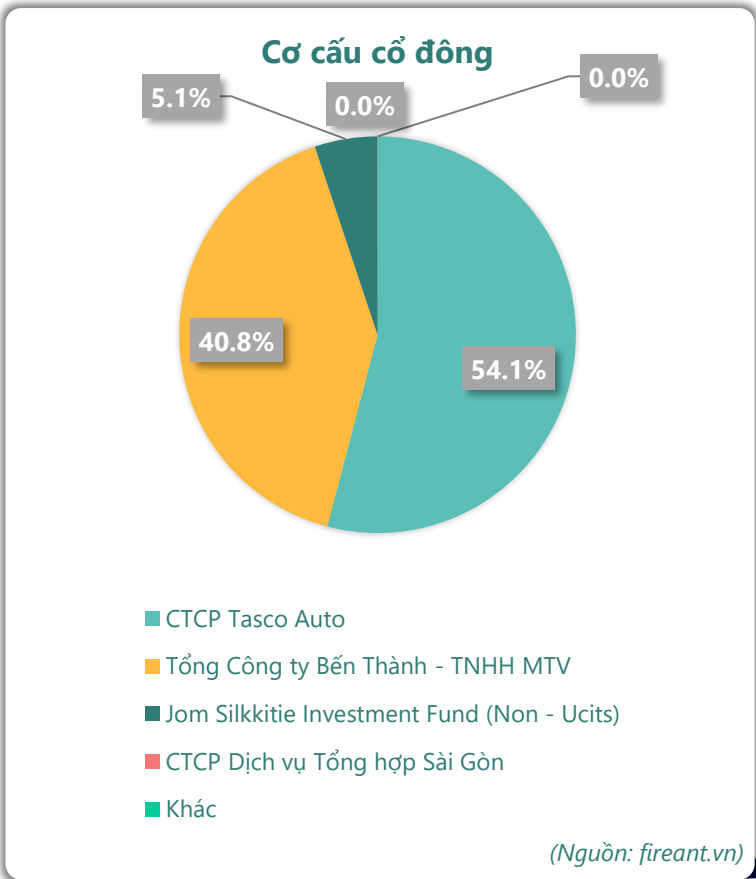
ROE 2025
17.7%
YoY: +/-▲ 13.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,286 - 36,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,094
Số lượng CPLH (CP)	93,267,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,365
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	(0.26)
EPS	4,969
P/E	4.5

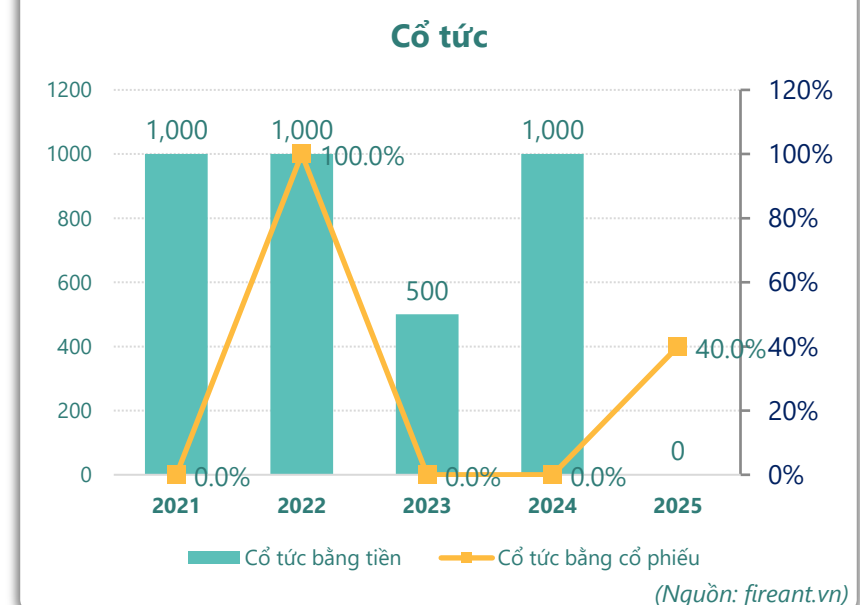
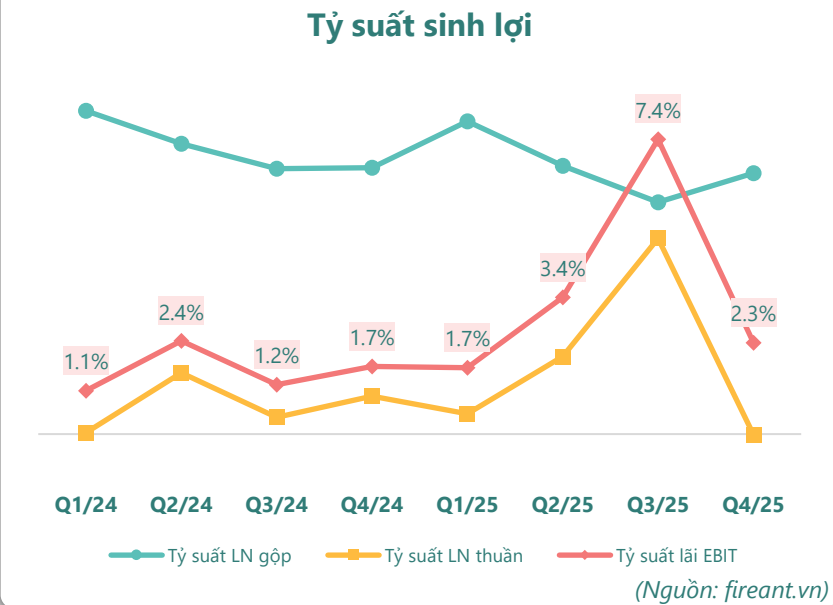
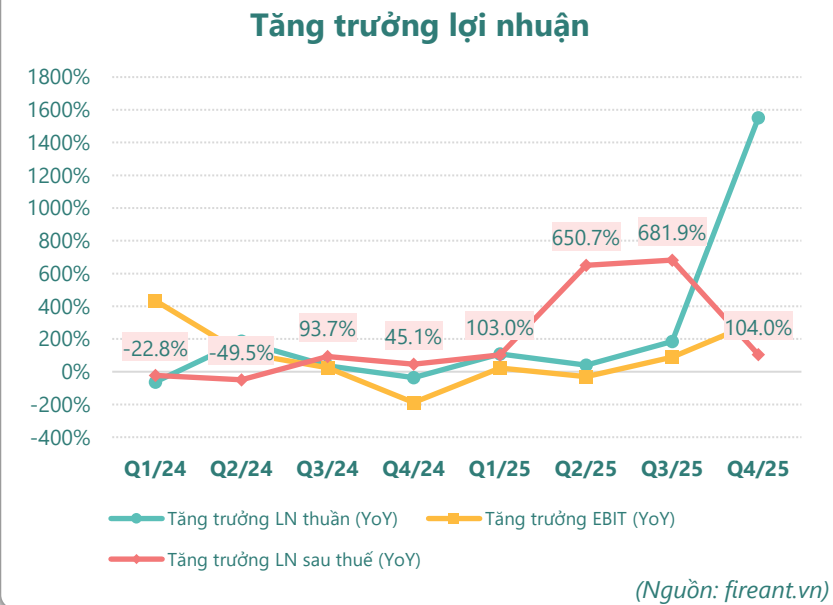
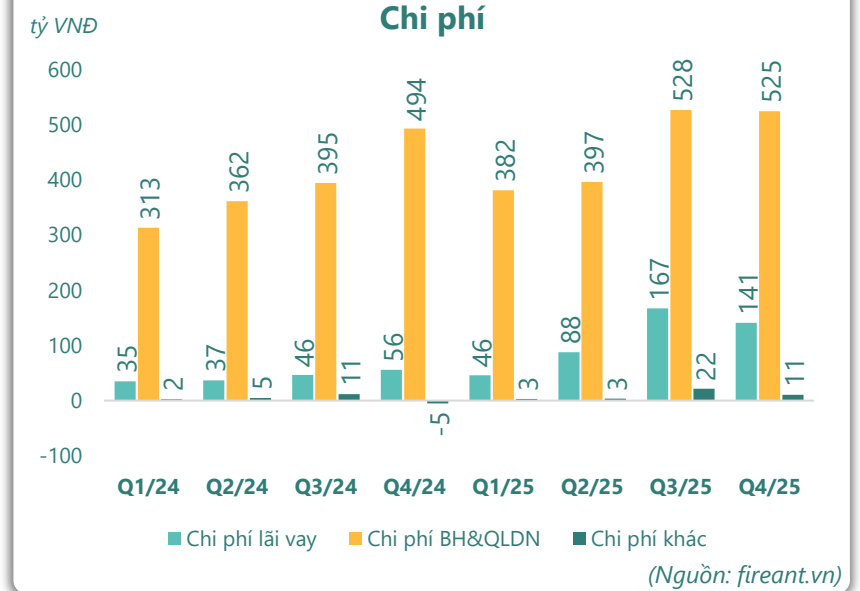
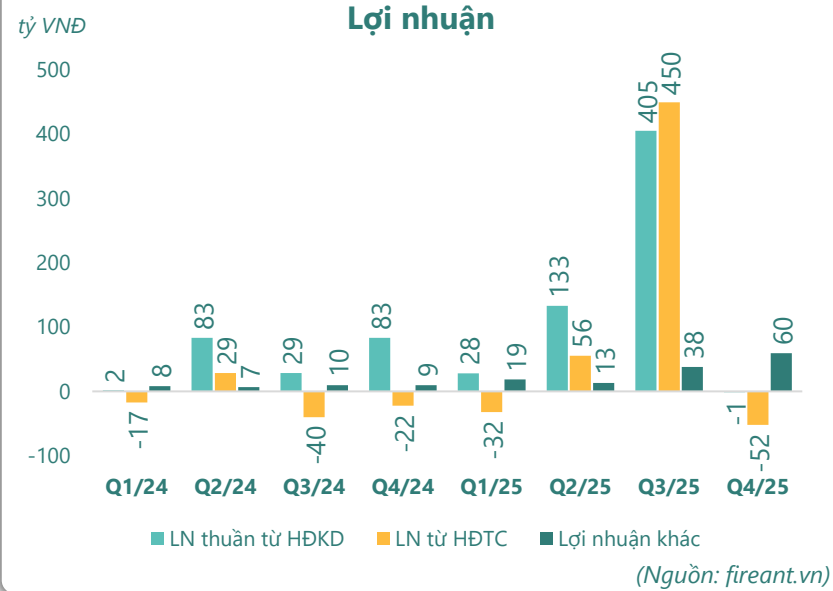
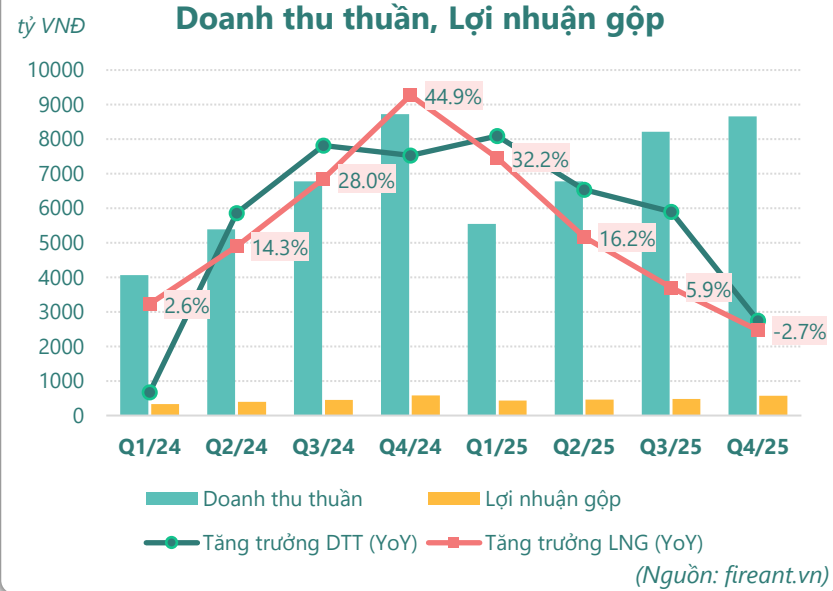
DT thuần 2025
29,202
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,443 17.9%

LN thuần 2025
565
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 366 185%

LN sau thuế 2025
509
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 302 146%



KẾT QUẢ KINH DOANH

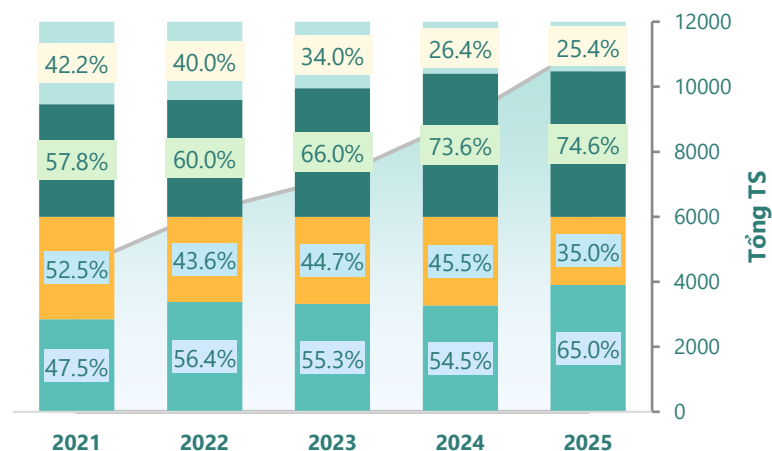




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

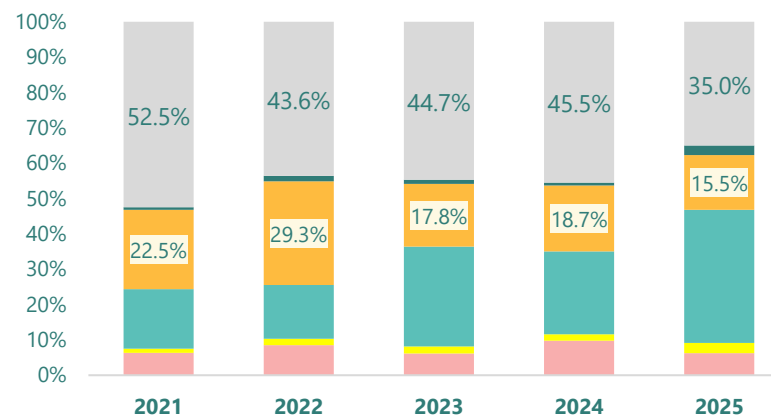
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

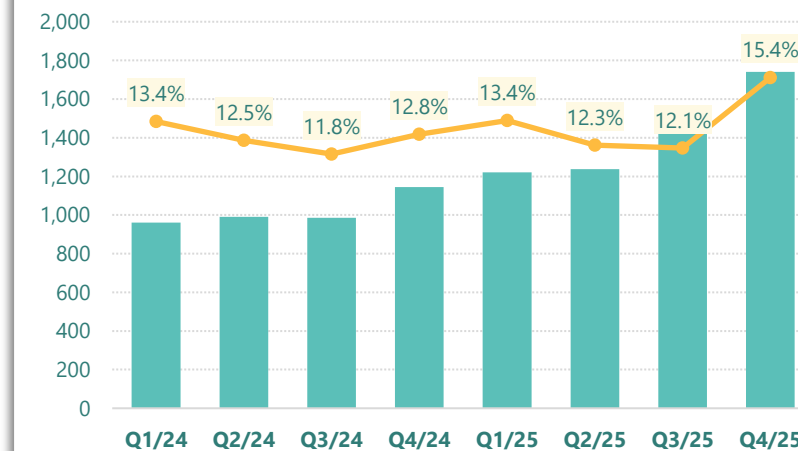


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Phải thu ngắn hạn ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

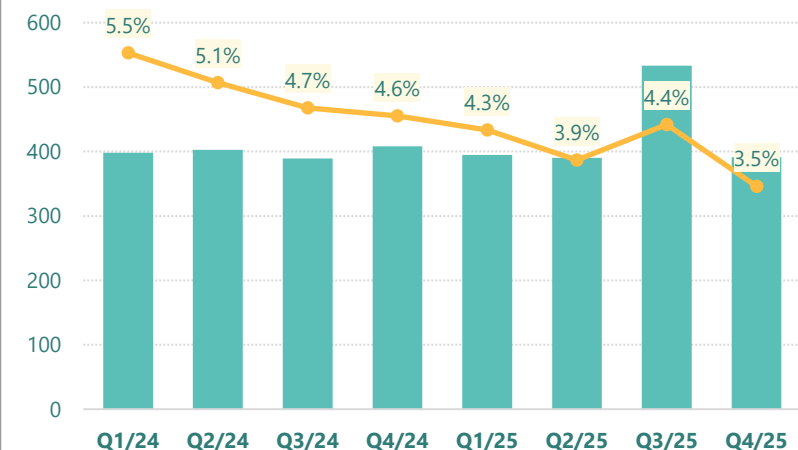


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

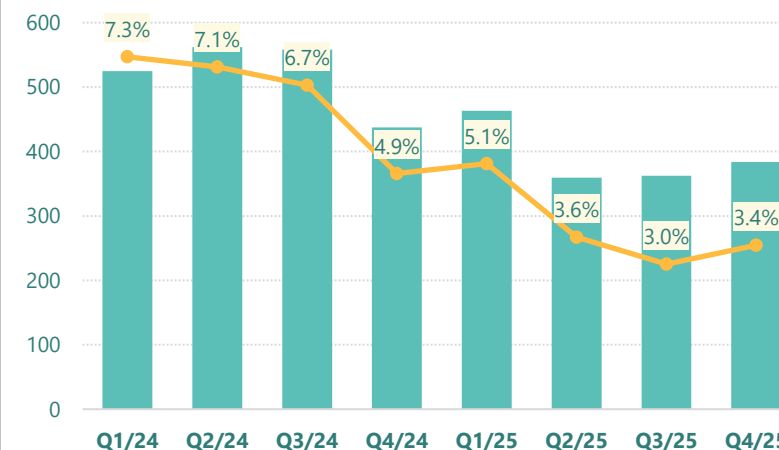


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

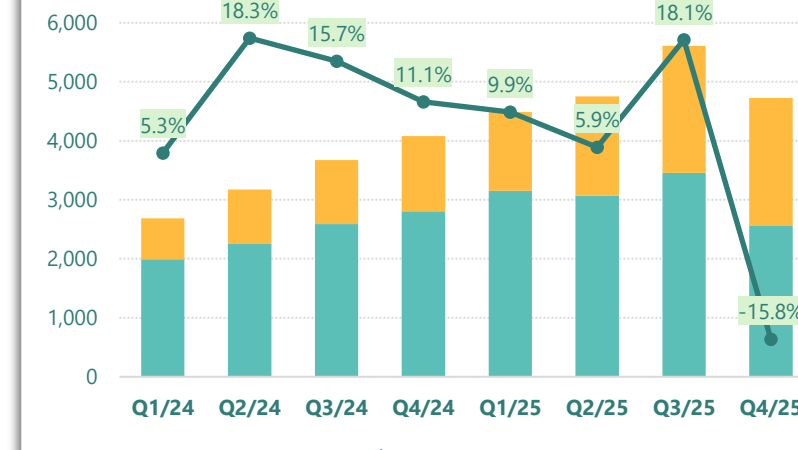


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

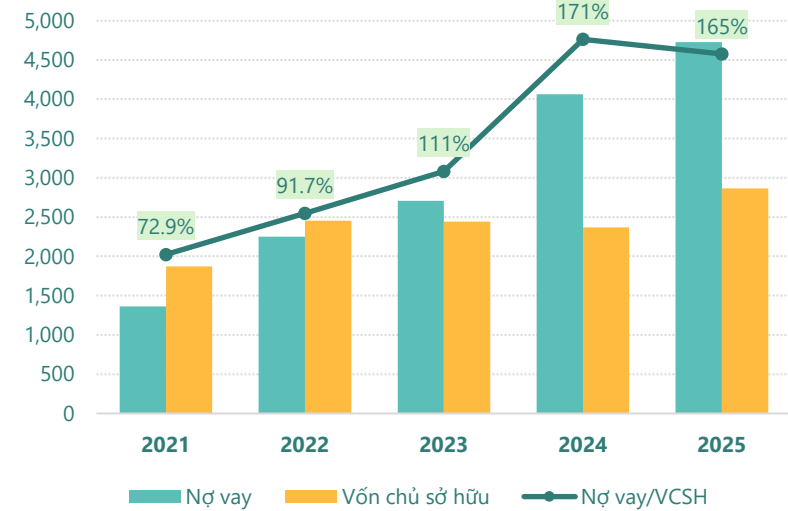
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

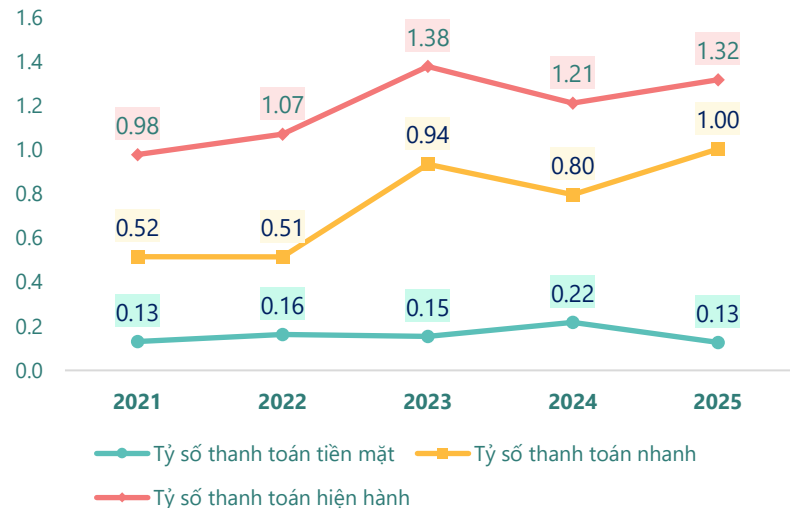
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



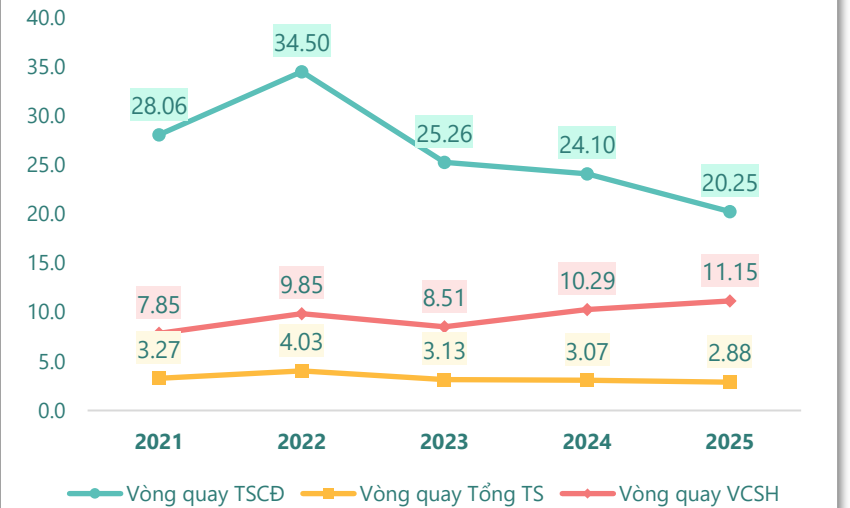
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



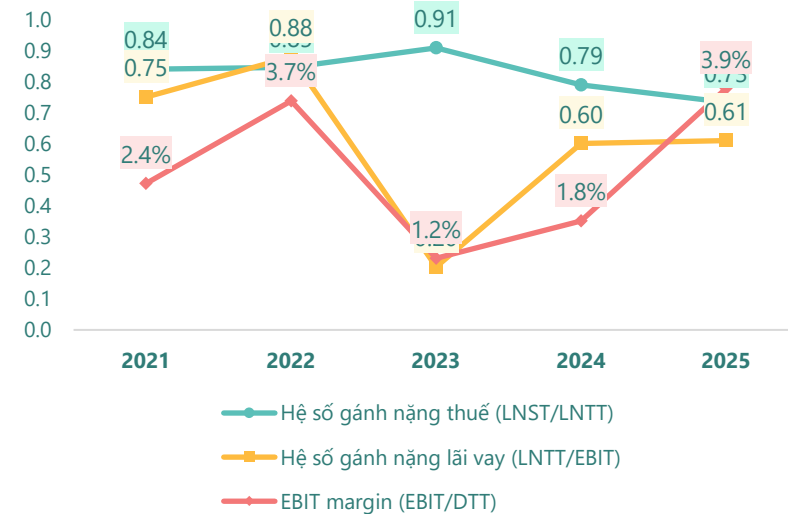
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



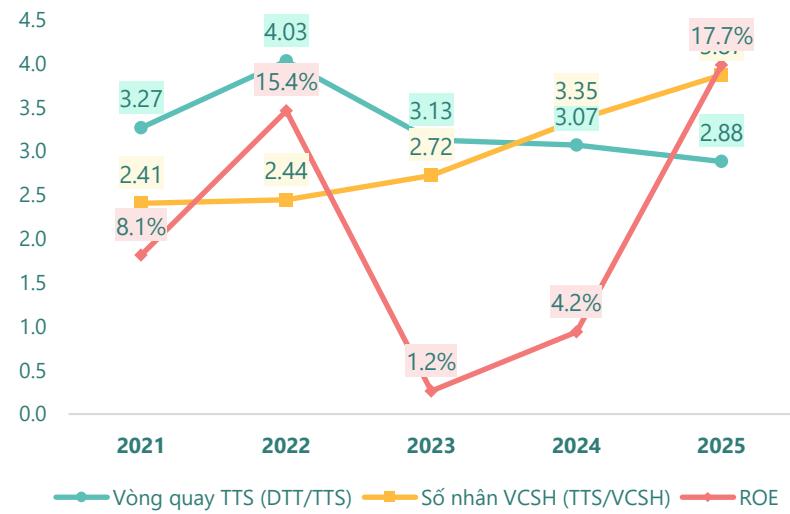
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



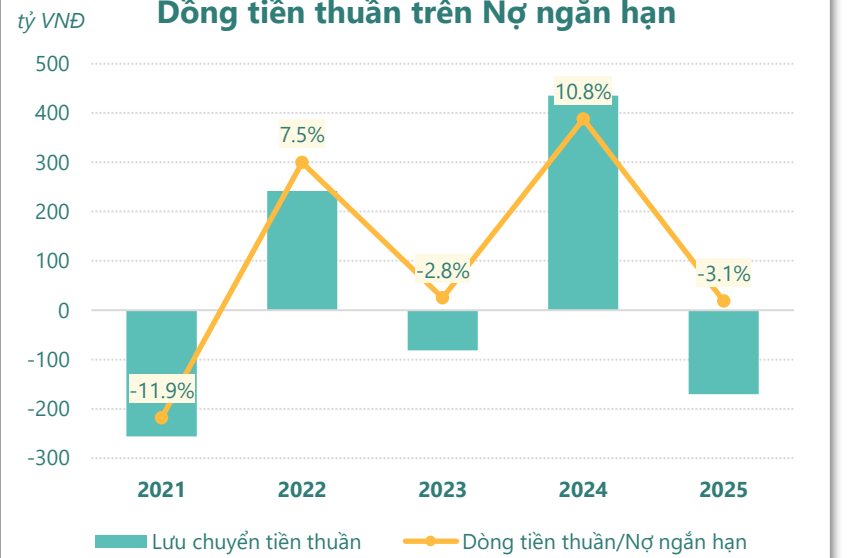
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8,655	8,721	-0.8%	29,202	24,759	17.9%
Giá vốn hàng bán	8,085	8,135	-0.6%	27,256	23,027	18.4%
Lợi nhuận gộp	569	585	-2.7%	1,946	1,732	12.3%
Doanh thu HĐTC	153	41.0	273%	1,021	157	549%
Chi phí TC	205	63.1	225%	600	212	182%
Chi phí lãi vay	141	55.8	153%	442	173	155%
LN trong công ty LKLD	6.75	13.5	-50.0%	30.3	57.5	-47.3%
Chi phí bán hàng	345	301	14.7%	1,141	927	23.1%
Chi phí QLDN	180	193	-6.7%	690	609	13.4%
LN thuần từ HĐKD	-1.46	83.3	-102%	565	199	185%
Lợi nhuận khác	59.6	9.41	533%	129	63.0	105%
LN trước thuế	58.1	92.7	-37.3%	694	262	165%
Lợi nhuận sau thuế	16.3	65.5	-75.1%	509	207	146%
LNST của CĐ cty mẹ	13.9	22.3	-37.9%	463	100	363%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	371	708	-638	365	-745	287
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-735	169	-81.4	-620	-48.9	743
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	430	-430	324	306	828	-890
Tiền đầu kỳ	356	423	878	483	534	567
Lưu chuyển tiền thuần	66.6	447	-395	51.4	33.3	140
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	423	870	483	534	567	707

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,305	8,962	26.1%
Tài sản ngắn hạn	7,349	4,886	50.4%
Tiền và tương đương tiền	707	878	-19.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	329	164	100%
Phải thu ngắn hạn	4,255	2,099	103%
Hàng tồn kho	1,754	1,674	4.8%
Tài sản ngắn hạn khác	304	71.9	322%
Tài sản dài hạn	3,956	4,075	-2.9%
Phải thu dài hạn	367	984	-62.7%
Tài sản cố định	1,741	1,143	52.4%
Bất động sản đầu tư	714	726	-1.7%
Tài sản dở dang	391	408	-4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	384	448	-14.4%
Tài sản dài hạn khác	211	202	4.8%
Lợi thế thương mại	148	165	-10.5%
Nợ phải trả	8,438	6,592	28.0%
Nợ ngắn hạn	5,572	4,030	38.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,564	2,795	-8.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,531	445	244%
Nợ dài hạn	2,865	2,561	11.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,161	1,267	70.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,867	2,370	21.0%
Vốn chủ sở hữu	2,867	2,370	21.0%
Vốn điều lệ	933	666	40.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

